TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/HC-ST;
Ngày: 25/8/2023;
Về khiếu kiện: "Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Quang;

2. Bà Nguyễn Thị Kiều Oanh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Hồ Nhật Hạ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử sơ thẩm công khai vụ án đã thụ lý số 04/2023/TLST-HC ngày 08/02/2023 về việc ''*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*'' giữa ông Huỳnh Văn C và Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 2244/2023/QĐXXST-HC ngày 19 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Huỳnh Văn C, sinh năm 1942; (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Văn C: Ông Huỳnh Văn Lộc E, sinh năm: 1974; (Có mặt) và Bà Trần Thị Ngọc H, sinh năm: 1975; (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Huỳnh Văn C: Luật sư Nguyễn Thanh L – Văn phòng luật sư Lê Vũ Hồng H1 - Thuộc đoàn luật sư tỉnh Bến Tre. (có mặt)

Người bị kiện: UBND huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn D - Chủ tịch UBND huyện B. (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Lê Văn Đ – Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B, tỉnh Bến Tre. (Có đơn yêu giải quyết vắng mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Huỳnh Văn L1, sinh năm 1965 (chết năm 2022);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông L1 đồng thời là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1970 (Vợ ông L1); (Vắng mặt).
2. Anh Huỳnh Cao T, sinh năm 1996 (Con ông L1); (Vắng mặt).
3. Anh Huỳnh Cao T1, sinh năm 2009 (Con ông L1); (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà P: bà Lê Thụy Cẩm T2, sinh năm 1997; (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số G ấp H, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà P: Luật sư Dương Mỹ L2 – Văn phòng L3 chi nhánh M – Thuộc đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cũng như tại phiên toà, người người khởi kiện – người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện – ông Huỳnh Văn Lộc E,bà Trần Thị Ngọc H, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện – bà Nguyễn Thanh L cùng trình bày:

Thửa đất số 814, tờ bản đồ số 2, diện tích 2.650m^2 tọa lạc tại xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre. Thửa đất này thuộc một phần thửa 329 có nguồn gốc của cha mẹ ông C cho ông C sử dụng từ năm 1975 nhưng chỉ thực hiện thủ tục đăng ký kê khai. Đến năm 1993 Nhà nước có chủ trương đăng ký quyền sử dụng đất thì em

ruột ông C là ông Huỳnh Văn L1 đã tự ý đăng ký kê khai quyền sử dụng và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhiều thửa, trong đó có thửa 814 diện tích 2.650m^2 do ông C đang canh tác, sau đó hộ ông L1 được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 41060900551/QSDĐ/43UB-QĐ vào ngày 03/05/1993. Phần diện tích đất còn lại 1.724,7m^2, thửa 329, tờ số 9 đến năm 2006 khi Nhà nước đo đạc chính quy (gọi tắt là SLCQ) ông C đăng ký kê khai nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do chính quyền địa phương trả lời là phải chờ giải quyết xong thửa đất 814.

Theo phiếu cung cấp thông tin địa chính số 179/UBND-ĐC vào ngày 18/04/2022 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre xác định việc cấp diện tích đất 2.650m^2 cho hộ ông L1 là do ông C sử dụng từ năm 1975 đến nay. Ông C đã nhiều lần gặp ông L1 thương lượng nhưng ông L1 không đồng ý chuyển nhượng lại cho ông C vì ông L1 cho rằng ông đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp quyền sử dụng cho ông là đúng quy định pháp luật.

Do việc Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 814, diện tích 2.650m^2 cho ông L1 không đúng đối tượng sử dụng, đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông C, do đó ông C yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành B 685441; số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 41060900551/QSDĐ/43UB-QĐ vào ngày 03/05/1993 do Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre cấp cho ông L1 thửa đất số 814 diện tích 2.650m^2, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre (BL 26, 27, 39, 41, 46).

Theo văn bản số 975/UBND-NC ngày 18/4/2023 của Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre – ông Nguyễn Văn D, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Lê Văn Đ – Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B, tỉnh Bến Tre trình bày:

Ngày 03/5/1993 Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 43/QĐ-UB về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 1.271 hộ dân tại xã V Tây trong đó có cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Văn L1 thửa đất 814 diện tích 2.650m^2, tờ bản đồ 02, số vào sổ cấp giấy 41060900551/43/QĐ-UB tại xã V. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông L1 là đúng theo quy định, nên Ủy ban nhân dân huyện B chưa có đủ cơ sở để ban hành quyết định thu hồi theo yêu cầu của ông Huỳnh Văn C.

Theo, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản đối thoại cũng như tại phiên toà, người người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị P, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông bà để lại, vào thời điểm hộ ông L1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà Tống Thị B là mẹ ruột ông L1 vẫn còn sống đồng ý và không có ý kiến gì, việc Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông L1 là đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định nên bà P không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông C. Ông C đã biết ông L1 kê khai từ năm 1993 nên thời hiệu khởi kiện đã hết, đề nghị HĐXX đình chỉ vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Thời hiệu khởi kiện vẫn còn theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho ông C vào năm 1993, đến ngày 18/04/2022 Ủy ban nhân dân xã V, huyện B cung cấp thông tin địa chính số 179/UBND-ĐC về việc cấp diện tích đất 2.650m2 cho hộ ông L1, từ đó ông C biết được sự việc và yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết. Đến ngày 09/02/2023 ông Huỳnh Văn C gửi đơn khởi kiện đến Tòa án.

Thẩm quyền cấp giấy chứng nhận QSDĐ: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 52 Luật đất đai năm 2003 Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Văn L1 thửa đất 814 diện tích 2.650m2, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre vào ngày 03/05/1993 là đúng thẩm quyền.

Trình tự thủ tục và nội dung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1993 Ủy ban nhân dân huyện B xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L1 là không đúng về trình tự thủ tục và nội dung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Do đó, đề nghị HĐXX Căn cứ Điều 64, 204 Luật đất đai, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật TTHC chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn C, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành B 685441; số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 41060900551/QSDĐ/43UB-QĐ do Ủy ban nhân dân

huyện B cấp cho ông Huỳnh Văn L1 vào ngày 03/05/1993 đối với thửa đất số 814 diện tích 2.650m^2, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thấy:

[1] Về tố tụng:

Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre nhận được đơn yêu cầu Toà án giải quyết vắng mặt đề ngày 19/7/2023 của ông Nguyễn Văn D là đại diện theo pháp luật của người bị kiện Chủ tịch UBND huyện B và bà Lê Thụy Cẩm T2 người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 158 Luật Tố tụng Hành chính, Tòa án xét xử vắng mặt đối với những người này là phù hợp.

[2] Đối tượng khởi kiện: Ông C có yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Văn L1 thửa đất 814 diện tích 2.650m^2, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre vào ngày 03/05/1993.

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 3 Luật tố tụng hành chính, đối tượng khởi kiện trong vụ án là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Văn L1 thửa đất 814 diện tích 2.650m^2, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre vào ngày 03/05/1993.

[3] Thời hiệu khởi kiện:

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho ông L1 vào năm 1993, đến ngày 18/04/2022 Ủy ban nhân dân xã V, huyện B cung cấp thông tin địa chính số 179/UBND-ĐC về việc cấp diện tích đất 2.650m^2 cho hộ ông L1, từ đó ông C biết được sự việc và yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết. Đến ngày 09/02/2023 ông Huỳnh Văn C gửi đơn khởi kiện đến Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 116 Luật TTHC năm 2015 quy định thời hiệu khởi kiện *"01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính…",* do đó thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

[4] Về thẩm quyền cấp giấy chứng nhận QSDĐ: Căn cứ quy định tại Điều 16, Điều 18 Luật đất đai năm 1987 Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Văn L1 thửa đất 814 diện tích 2.650m^2, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre vào ngày 03/05/1993 là đúng thẩm quyền.

[5] Về trình tự thủ tục và nội dung của quyết định hành chính:

Ông Huỳnh Văn C yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành B685441; số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 41060900551/QSDĐ/43UB-QĐ do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho ông Huỳnh Văn L1 vào ngày 03/05/1993 đối với thửa đất số 814 diện tích 2.650m^2, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre.

[5.1] Xét về nguồn gốc đất tranh chấp: Ông C cho rằng thửa đất 814 trước đây thuộc một phần thửa 329 có nguồn gốc của cha mẹ ông C cho ông C quản lý sử dụng từ năm 1975, sau đó ông L1 tự ý đăng ký kê khai được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà P (vợ ông L1) cho rằng nguồn gốc đất tranh chấp là của ông bà để lại cho ông L1, vào thời điểm ông L1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà Tống Thị B là mẹ ruột ông L1 vẫn còn sống đồng ý và không có ý kiến gì. Các đương sự chỉ trình bày về nguồn gốc đất, không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh.

Theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện B cung cấp, vào ngày 03/5/1993 Ủy ban nhân dân huyện B ban hành quyết định 43/UB-QĐ về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức, cá nhân trong đó có ông L1. Theo ông C, thửa 814 diện tích 2650m^2 trước đây thuộc một phần thửa 329 thuộc quyền quản lý sử dụng của ông C trước năm 1993, năm 1993 ông L1 tự ý đăng ký kê khai được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[5.2] Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 01/6/2023 của Tòa án xác định trên đất có 05 cây dừa đang cho trái; 02 cây mù u; 01 cây bưởi; 03 ngôi mộ ốp gạch men; hàng rào bao quanh mộ kiên cố xây bằng gạch, xi măng cốt thép và tô; hàng rào bằng cây dăm bụt bao quanh phía ngoài hàng rào xây bằng gạch, xi măng cốt thép nêu trên; phần còn lại là đất trống có cỏ tự mọc; mộ của chủ đất củ, không phải của gia đình ông C, ông L1; về tứ cận: hướng Bắc giáp lộ đất, hướng Đông giáp thửa 812 của ông C, hướng Tây giáp thửa 815 của ông Huỳnh Văn S, hướng Nam giáp thửa 823 của bà Lê Thị T3; thửa 813, 814 do ông C đang canh tác. Biên bản làm việc ngày 20/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre với ông Phạm Tâm Đ1 –Công an quản lý ấp V cung cấp thông tin là thửa 813, 814 trước đến nay ông L1 không có quản lý sử dụng. Như vậy, theo các chứng cứ nêu trên có cơ sở xác định thửa 814 từ trước đến nay do ông C trực tiếp quản lý sử dụng. Năm 1993 Ủy ban nhân dân huyện B xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L1 là không đúng đối tượng và nội dung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật. Do vậy, việc ông C yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất số phát hành B 685441; số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 41060900551/QSDĐ/43UB-QĐ do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho ông Huỳnh Văn L1 vào ngày 03/05/1993 đối với thửa đất số 814 diện tích 2.650m^2, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre là có cơ sở để xem xét chấp nhận.

[6] Riêng đối với thửa 813 hai bên đương sự thống nhất thửa 813 là khu mộ trong phần đất của ông C và ông L1 là phù hợp với loại đất ghi trong giấy chứng nhận là loại CDK nhưng không rõ nguồn gốc mà lại cấp cho ông L1. Tuy nhiên, người khởi kiện không có yêu cầu đối với thửa đất này nên HĐXX không xem xét.

[7] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Án phí hành chính sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên ông Huỳnh Văn C không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên người bị kiện phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Về chi phí tố tụng: Ông C tự nguyện chịu, đã quyết toán xong.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 30, 32, 158, 348, 358 điểm b khoản 2 Điều 193 Luật TTHC;

Căn cứ Luật Đất đai các năm 1987, 1993;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, ngày 15 tháng 05 năm 2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng

TUYÊN XỬ:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn C, hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành B 685441; số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 41060900551/QSDĐ/43UB-QĐ do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho ông Huỳnh Văn L1 vào ngày 03/05/1993 đối với thửa đất số 814 diện tích 2.650m^2, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2/ Về chi phí tố tụng: Ông Huỳnh Văn C tự nguyện chịu, đã quyết toán xong.

3/ Về án phí hành chính sơ thẩm: Ủy ban nhân dân huyện B phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng.

4/ Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo; các đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Quang **Nguyễn Thị Kiều Oanh** **Nguyễn Chí Đức**

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Cục THADS tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng KTNV và THA (1b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b), Văn phòng (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Chí Đức